

Bản án số: 92/2020/DS-ST

Ngày 09-12-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và tranh chấp hợp đồng thế chấp.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mã Thị Kỳ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Mơ và ông Hoàng Minh Hải.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa*** Ông  
Đỗ Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-DS, ngày 15-01-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29a/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 12/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng B).

Trụ sở: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Văn H – Giám đốc phòng giao dịch Đ  
- Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

*Bị đơn:* Ông Đào Phương L – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đ và bà Lê Thị M – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22-3-2018, ông Đào Phương L đã vay vốn tại Ngân hàng B - Chi nhánh Đắk Nông số tiền 1.600.000.000đ (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8377904/HĐTD ngày 22-3-2018; mục đích vay là phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp; thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày 22-3-2018; lịch trả nợ vay như sau:

+ Nợ gốc: Trả 01 lần khi đến hạn.

+ Nợ lãi: 01 tháng/lần vào ngày 28 của tháng thuộc kỳ trả nợ.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn, ông Đào Phương L thế chấp Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) đối với các thửa đất số 04, tờ bản đồ số 147, diện tích 30.695m<sup>2</sup> và số 78, tờ bản đồ số 90, diện tích 13.352m<sup>2</sup>, cả 02 thửa đất đều tọa lạc tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo các Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 937297, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 16-11-2011, đứng tên ông Đào Phương L và bà Trần Thị Ánh L (vợ ông L nhưng đã ly hôn ngày 13-5-2015 (BL 21)) và số BL 946662, do UBND huyện Đ cấp ngày 20-9-2013, đứng tên ông Đ và bà Lê Thị M.

Việc thế chấp tài sản được thể hiện tại các Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/5399089/HĐBĐ và số 01/2016/8377904/HĐTC, công chứng ngày 22-3-2016, tại Văn phòng công chứng Đắk Song; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ.

Kể từ sau khi vay đến ngày 28-12-2018 ông Đào Phương L mới trả lãi cho ngân hàng số tiền: 123.183.037 đồng. Từ ngày 28-01-2019 đến nay ông Đào Phương L không trả gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc cũng như đôn đốc nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, đến nay ông Đào Phương L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng mà còn bỏ đi khỏi địa phương.

Sau khi ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B tiến hành thu nợ gốc số tiền 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) từ tài khoản cá nhân của ông L nên số tiền nợ gốc hiện nay còn lại là 1.599.900.000đ (*Một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*);

Do vậy, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Đào Phương L trả toàn bộ tiền nợ (tạm tính đến ngày 31-10-2019): 1.783.121.427đ (*Một tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, một trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là: 1.599.900.000 đồng, nợ lãi là: 183.221.427 đồng và ông L còn phải trả toàn bộ nợ lãi phát sinh theo HĐTD nêu trên cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Đào Phương L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07-7-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thể hiện: Đặc điểm tứ cận thửa đất xem xét, thẩm định đúng như các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 78, tờ bản đồ số 90, diện tích 13.352m<sup>2</sup> và thửa đất số 04, tờ bản đồ số 147, diện tích 30.695m<sup>2</sup>, đều tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ mà ông Đào Phương L thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Đào Phương L trả số tiền là 1.982.124.005 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.599.900.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 09-12-2020 là 312.090.087 đồng, lãi quá hạn đến ngày 09-12-2020 là 70.133.918 đồng, đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 10-12-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Đào Phương L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Đào Phương L: Kết quả xác minh xác định ông L đã đi khỏi địa phương nhưng không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M (mẹ của ông L) thì ông Đào T (chồng bà Lê Thị M) cũng xác định hiện nay bà Lê Thị M đã đi làm ở nơi khác thì thoảng mới về nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông L và bà Lê Thị M bằng các hình thức niêm yết (đối với ông L, bà Lê Thị M), thông báo (đối với ông L) nhưng ông L và bà Lê Thị M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào T trình bày: Ông Thừa nhận ông có ủy quyền cho con trai là Đào Phương L sử dụng Giấy chứng nhận QSDĐ đất đứng tên ông và bà Lê Thị M để thế chấp và đảm bảo cho khoản vay nợ của Ngân hàng B, nhưng số tiền ông L vay thì ông Thành không sử dụng phần nào, không liên quan gì đến ông Thành. Nay ông L không trả được nợ thì Ngân hàng khởi kiện ông không phản đối, song ông đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của ông L để đảm bảo thu hồi nợ của ông L, trường hợp không đủ trả nợ thì ông Thành mới đồng ý giao tài sản của ông Thành cho Ngân hàng xử lý để đảm bảo thu hồi hết khoản nợ của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào T chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Đào Phương L trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 1.982.124.005 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.599.900.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 09-12-2020 là 312.090.087 đồng, lãi quá hạn đến ngày 09-12-2020 là 70.133.918 đồng và các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 10-12-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào T; biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Đào Phương L trả số tiền gốc là 1.599.900.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/8377904/HĐTD ngày 22-3-2018, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp nếu ông Đào Phương L không trả được nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tranh chấp hợp đồng thế chấp*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đào Phương L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ ngày 28-01-2019 ông Đào Phương L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 06-01-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào T); niêm yết công khai (đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M) và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn) đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông L và bà Lê Thị M không có mặt, kết quả xác minh tại địa phương xác định ông Đào Phương L đã đi khỏi địa phương và không khai báo việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú; theo lời

khai của ông Đào T thì bà Lê Thị M đã đi làm ăn ở nơi khác. Như vậy, ông L và bà Lê Thị M đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tổ tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L, ông Thành và bà Lê Thị M vắng mặt đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, ông Thành và bà Lê Thị M theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Đào Phương L có vay tiền của Ngân hàng B chi nhánh Đắk Nông số tiền 1.599.900.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/8377904/HĐTD ngày 22-3-2018, thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 22-3-2018; lịch trả nợ vay như sau: Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn. Nợ lãi trả 01 tháng/lần vào ngày 28 của tháng thuộc kỳ trả nợ; lãi suất cho vay: 10,0%/năm; mục đích vay là đầu tư sản xuất nông nghiệp. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng B với ông Đào Phương L có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc ông Đào Phương L trả tổng số tiền nợ là 1.982.124.005 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.599.900.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 09-12-2020 là 312.090.087 đồng, lãi quá hạn đến ngày 09-12-2020 là 70.133.918 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng B với ông Đào Phương L xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng B đã giải ngân cho ông Đào Phương L số tiền 1.600.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 28-12-2018 ông Đào Phương L có trả lãi cho Ngân hàng B số tiền 123.183.037 đồng; sau đó Ngân hàng có trừ nợ gốc số tiền 100.000 đồng; tuy nhiên, số tiền nợ gốc và lãi còn lại ông Đào Phương L không trả cho Ngân hàng B khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Đào Phương L về việc nợ quá hạn, yêu cầu ông Đào Phương L tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông Đào Phương L không trả nên việc Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Đào Phương L trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng B với ông Đào Phương L theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều

91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Đào Phương L còn nợ, cụ thể: lãi trong hạn đến ngày 09-12-2020 là 312.090.087 đồng, lãi quá hạn đến ngày 09-12-2020 là 70.133.918 đồng.

[2.3]. Xét các Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/5399089/HĐBĐ và số 01/2016/8377904/HĐTC, ngày 18-3-2016 giữa Ngân hàng B với ông Đào Phương L, thấy rằng: Các Hợp đồng được lập thành văn bản, theo mẫu, có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 22-3-2016; số công chứng 566 và 567. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22-3-2016, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 04, tờ bản đồ số 147, diện tích 30.695m<sup>2</sup> và số 78, tờ bản đồ số 90, diện tích 13.352m<sup>2</sup>, cả 02 thửa đất đều tọa lạc tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo các Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 937297, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 16-11-2011, đứng tên ông Đào Phương L và bà Trần Thị Ánh L (vợ ông L nhưng đã ly hôn ngày 13-5-2015 (BL 21)) và số BL 946662, do UBND huyện Đ cấp ngày 20-9-2013, đứng tên ông Đ và bà Lê Thị M (ông Thành bà Lê Thị M đã ủy quyền cho ông L được quyền thế chấp để đảm bảo khoản vay). Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng B với ông Đào Phương L là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.**

Buộc ông Đào Phương L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 1.982.124.005đ (*Một tỷ chín trăm tám mươi hai triệu một trăm hai mươi tư nghìn không trăm linh năm đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 1.599.900.000đ (*Một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*), lãi trong hạn đến ngày 09-12-2020 là 312.090.087đ (*Ba trăm mười hai triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*), lãi quá hạn đến ngày 09-12-2020 là 70.133.918đ (*Bảy mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm mười tám đồng*).

Trường hợp ông Đào Phương L không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền phát mại tài sản thế chấp của ông Đào Phương L để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8377904/HĐTC ngày 18-3-2016*); trường hợp việc xử lý tài sản của ông Đào Phương L vẫn không đủ để thu hồi nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền xử lý tài sản mà ông Đ và bà Lê Thị M đã ủy quyền cho ông L thế chấp để vay tiền của Ngân hàng (*Theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/5399089/HĐBĐ ngày 18-3-2016*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-12-2020) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

**2. Về chi phí xem xét, thẩm định:** Do Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc ông Đào Phương L phải trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc ông Đào Phương L phải nộp 71.463.720đ (*Bảy mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 32.747.000đ (*Ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000295, ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Song
- Chi cục THA huyện Đắk Song
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Mã Thị Kỳ**